TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần X, sinh ngày 10/07/1989 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số …., cấp ngày 11/08/2022.

Địa chỉ: Khóm D, xã T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Ông Trần D, sinh ngày 01/01/1994. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số ….., CMND …..,

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần X trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần D có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, sau đó ông bà tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Nhưng chung sống thời gian dài, ông bà thường xuyên cãi vã, không còn thông cảm và thấu hiểu cho nhau, nên hôn nhân ngày càng rạn nứt. Trước khi đi đến quyết định ly hôn, ông bà đã nhiều lần cho nhau cơ hội để giải quyết mâu

thuẫn nhưng kết quả không thay đổi, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên sống chung với nhau là điều không thể. Bà và ông D đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, tình trạng mâu thuẫn ngày càng kéo dài, khiến đời sống hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, nên bà muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông D. Cho nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông Trần D.

Về con chung: Bà và ông Trần D có một con ruột là cháu Trần T, sinh ngày 10/11/2016, sau thời gian ly thân với ông D thì bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần T, sinh ngày 10/11/2016 và bà không yêu cầu ông Trần D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu xem xét.

Bà X xin được xét xử vắng mặt vì điều kiện đi lại xa nên không có thời gian để tham gia phiên tòa.

2/ Bị bơn ông Trần D: Ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần X nhưng ông D không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần X khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Trần D cư trú tại ấp R, xã T, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Trần X vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trần D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần X và ông Trần D là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 14/9/2020 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà X và ông D, theo bà X cho rằng hai vợ chồng bà chung sống thời gian dài, ông bà thường xuyên cãi vã, không còn thông cảm và thấu hiểu cho nhau, nên hôn nhân ngày càng rạn nứt. Trước khi đi đến quyết định ly hôn, ông bà đã nhiều lần cho nhau cơ hội để giải quyết mâu thuẫn nhưng kết quả không thay đổi, tình cảm vợ chồng đã

không còn, nên sống chung với nhau là điều không thể. Bà và ông D đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay không thể hàn gắn. Nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần D. Ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà X. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà X và ông D đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, ông bà đã ly thân với nhau từ nay 2021 đến nay không thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa bà X và ông D là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần X được ly hôn với ông Trần D.

[4] Về con chung: Bà Trần X và ông Trần D có con chung là cháu Trần T, sinh ngày 10/11/2016, cháu T hiện nay đang sống chung với bà X. Bà X yêu cầu được nuôi cháu T, ông D không có ý kiến phản đối, cháu T hiện nay đã hơn 10 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà X sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ***nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con****".* Giữa ông D và bà X không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu T hiện nay đã hơn 10 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà X) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, hiện tại cháu T được mẹ ruột là bà X đang nuôi dưỡng nên căn cứ vào nguyện vọng của cháu T, và cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu T cho bà X nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu, phù hợp nguyện vọng của cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Trần D theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Xoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trần X phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006503, ngày 20/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Trần D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần X được ly hôn với ông Trần D.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần T, sinh ngày 10/11/2016 cho bà Trần X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Trần D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Trần X phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Trần X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006503, ngày 20/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Trần D không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng